

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 20 - 01 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2020/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Bạch X, sinh năm 1983, nơi sinh: Tịnh Biên – An Giang; nơi cư trú: tổ 07, khóm I, phường PC, thành phố K, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Cao Đài; con ông Trần Ngọc O, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1953; chồng Trần Thanh H, sinh năm 1979; con có 06 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2015; anh chị em có 05 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Ngô Thị Kim N, sinh năm 1954, nơi cư trú: tổ 04, khóm A, phường PC, thành phố K, tỉnh An Giang;

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ 20, khóm 6, phường PC, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964, nơi cư trú: số 616, đường TTT, khóm HB, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 27/10/2020, Trần Thị Bạch X đi bộ trên đường NĐC, khi đến khu vực khóm I, phường PC, thành phố K, thấy 01 túi xách của Ngô Thị Kim N (bên trong có 2.440.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A10S cùng giấy tờ tùy thân) để trên xe mô tô, không người trông giữ; X đến lấy trộm túi xách, mang về nhà cất giấu. Riêng, N phát hiện bị mất trộm tài sản, trình báo Cơ quan công an cùng ngày, X đầu thú, giao nộp tài sản đã trộm.

Quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 19 giờ ngày 18/8/2020, X điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2-5169 đến quán nước của Lê Thị G, tổ 20, khóm 6, phường PC, thành phố K, để mua sữa đậu nành, nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA C2 của G để trên bàn, lợi dụng lúc G mất cảnh giác, X lén lấy trộm, đem đến cửa hàng “NL” bán cho Nguyễn Văn L lấy 800.000 đồng tiêu xài cá nhân

Vật chứng thu giữ do Trần Thị Bạch X giao nộp: 01 xe điện thoại di động hiệu NOKIA C2 (đã trả lại bị hại G); 01 túi xách da đen; tiền Việt Nam đồng 2.440.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A10S; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67E1-137.39 của Ngô Thị Kim N (đã trao trả cho bị hại N); 01 đĩa CD ghi hình diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của Trần Thị Bạch X ngày 27/10/2020 (Lưu hồ sơ vụ án).

Kết luận định giá tài sản số 225, 275/KL-ĐG, ngày 14/9/2020, ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: điện thoại di động hiệu NOKIA C2, trị giá 800.000 đồng; điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A10S, trị giá 1.500.000 đồng; 01 túi xách màu đen, trị giá 50.000 đồng.

Cáo trạng số 125/CT-VKSCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Trần Thị Bạch X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, do cần tiền tiêu xài, nên đã lén lấy trộm tài sản là chiếc túi xách treo trên xe mô tô và điện thoại như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không

có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho được hưởng án treo, để có thời gian chăm sóc gia đình và con còn nhỏ.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA C2 (đã trả lại bị hại G); 01 túi xách da đen, bên trong có tiền Việt nam 2.440.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A10S; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67E1-137.39, tổng tài sản trị giá 4.790.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa, bị cáo phạm tội khi đang mang thai, thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải; đầu thú, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; học lực thấp. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình;

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, n và s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử có khấu trừ 09 (chín) ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản; cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trách nhiệm dân sự, nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ hồ đĩa VCD chứa hình ảnh phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ việc xảy ra trên địa bàn thành phố K, có mức hình phạt dưới 15 năm tù, Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

[1.3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

2. Về nội dung,

[2.1] Hành vi phạm tội:

Qua đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án cùng các tài liệu, và nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bị cáo X đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt 01 túi xách của Ngô Thị Kim N (bên trong có 2.440.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A10S và của bà G điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA C2, tổng trị giá 4.790.000 đồng;

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự) như nội dung cáo trạng truy tố.

Xét việc bị cáo xin được hưởng án treo, thấy rằng: bị cáo đã một lần trộm cắp tài sản vào năm 2018, do chưa đủ định lượng nên bị xử lý hành chính 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành, nhưng không lấy đó là bài học mà lại tiếp tục phạm tội với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn (tiếp tục 02 lần phạm tội chiếm đoạt tài sản). Do đó, không có cơ sở để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

[2.2] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đầu thú hành vi phạm tội; phạm tội khi đang mang thai, thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, n và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Trong khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại N, G có lời khai cho biết đã nhận lại tài sản mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường, cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ đĩa VCD thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

[2. 6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, n và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Thị Bạch X phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bạch X: 09 (chín) tháng tù, được khấu trừ 09 ngày bị tạm giữ tạm giam trước đó. Do đó, bị cáo Trần Thị Bạch X phải chấp hành hình phạt là 08 (tám) tháng 21(hai mươi một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục lưu giữ đĩa CVD thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo X có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Bạch X phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức